

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức M, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Tổ 3, Ấp 1A xã P, huyện L, tỉnh Đ; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Đức M trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ ngày 27 tháng 4 năm 20xx. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2016 đến nay anh và chị H đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Anh chị có một con chung là Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 02 tháng 5 năm 20xx; anh đề nghị giao con

chung cho chị H nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con, tài sản chung.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Đức M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ ngày 27 tháng 4 năm 20xx. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng sinh sống. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng và tình cảm vợ chồng đã hết nên chị cũng đồng ý ly hôn anh M. Chị và anh M có 01 con chung là Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 02 tháng 5 năm 20xx; chị H nhận nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con, tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Đức M khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị H tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là chị Nguyễn Thị H cư trú tại xã Đ, huyện Tiên Lãng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M và chị H.

Về hôn nhân:

[3] Anh M và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ ngày 27 tháng 4 năm 20xx nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Anh M và chị H thống nhất trình bày: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa; anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã tự khắc phục và cũng đã được gia đình hai bên nhiều lần tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả,

tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Đến nay, anh chị đều thừa nhận quan hệ hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Xét thấy, anh M và chị H đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn tình cảm giữa anh M và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh M được ly hôn chị H.

[6] Về con chung: Anh M và chị H có một con chung là Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 02 tháng 5 năm 20xx. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, B về quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Để đảm B sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con; căn cứ vào điều kiện nuôi con của anh chị, cũng như nguyện vọng của con, thỏa thuận về việc nuôi con khi cha mẹ ly hôn nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Trần Hoàng Gia B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh M và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Anh M và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh M và chị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức M được ly hôn chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con chung Trần Hoàng Gia B, sinh ngày 02 tháng 5 năm 20xx. Việc cấp dưỡng cho con anh M và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 22 tháng 8 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Anh M và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006318 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Anh M và chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã P, huyện L, tỉnh Đ;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

